

OVERVIEW OF ACADEMIC ADVISING AND THE DEVELOPMENT OF UNIVERSITY STUDENTS' AUTONOMOUS LEARNING COMPETENCE IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION

Bui Phuong Thuy

Email: bpthuy@hunre.edu.vn

Hanoi University of Natural Resources
and Environment
41A Phu Dien street, Phu Dien ward,
Hanoi, Vietnam

Received: 15/8/2025
Revised: 15/9/2025
Accepted: 20/10/2025
Published: 25/12/2025

Abstract: Digital transformation is reshaping higher education, positioning autonomous learning competence as a decisive factor for students' sustainable adaptation and growth. This study reviews national and international literature to identify key components of autonomous learning competence and to clarify the role of academic advising, addressing the limited connection between advising practices and autonomous learning in digital environments. The article identified nine essential aspects constituting university students' autonomous learning competence. Findings emphasise that academic advisors not only provide information but also support students in managing time, using technology, developing learning strategies, and receiving continuous feedback. These results offer practical implications for administrators, lecturers, and advisors in strengthening student support systems, thereby contributing to the improvement of higher education quality in the digital era.

Keywords: Academic advising, autonomous learning competence, university students, learning support, digital transformation.

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ CỐ VẤN HỌC TẬP VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC TẬP TỰ CHỦ CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Bùi Phương Thúy

Email: bpthuy@hunre.edu.vn

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
41A, đường Phú Diễn, phường Phú Diễn,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 15/8/2025
Chỉnh sửa xong: 15/9/2025
Chấp nhận đăng: 20/10/2025
Xuất bản: 25/12/2025

Tóm tắt: Chuyển đổi số đang tác động sâu rộng đến giáo dục đại học, khiến năng lực học tập tự chủ trở thành yếu tố then chốt giúp sinh viên thích ứng và phát triển bền vững. Trên cơ sở phân tích tổng quan các công trình trong và ngoài nước, nghiên cứu này xác định các thành phần cốt lõi của năng lực học tập tự chủ và làm rõ vai trò hỗ trợ của cố vấn học tập, qua đó khắc phục khoảng trống trong việc gắn kết giữa hoạt động cố vấn và năng lực tự học trong môi trường số. Kết quả cho thấy năng lực học tập tự chủ của sinh viên được cấu thành từ chín khía cạnh quan trọng. Đồng thời, cố vấn học tập không chỉ cung cấp thông tin mà còn hỗ trợ sinh viên trong quản lý thời gian, khai thác công nghệ, xây dựng chiến lược học tập và duy trì môi trường phản hồi liên tục. Những phát hiện này mang lại gợi ý hữu ích cho nhà quản lý, giảng viên và cố vấn trong việc thiết kế, triển khai hệ thống hỗ trợ sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong kỉ nguyên số.

Từ khóa: Cố vấn học tập, năng lực học tập tự chủ, sinh viên đại học, hỗ trợ học tập, chuyển đổi số.

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã nhấn mạnh nhiệm vụ: “Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo

đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” (Bộ Chính trị, 2024). Trong bối cảnh này, học tập tự chủ trở thành năng lực cốt lõi giúp sinh viên đại học thích ứng với sự biến động nhanh chóng của thị

trường lao động và sự phát triển không ngừng của khoa học - công nghệ. Chuyển đổi số trong giáo dục đại học không chỉ mở rộng cơ sở tri thức tiếp cận mà còn đặt yêu cầu cao hơn về khả năng tự định hướng, tự quản lý và tự động đánh giá quá trình học tập của người học.

Trong hệ sinh thái giáo dục đại học, cố vấn học tập giữ vai trò cầu nối giữa nhà trường và sinh viên, góp phần định hướng, cá nhân hóa và hỗ trợ phát triển năng lực học tập tự chủ (Nguyễn Minh Oanh, 2011). Tuy nhiên, ở Việt Nam, hoạt động này chủ yếu mang tính hành chính, chưa thực sự phát huy hiệu quả trong việc rèn luyện năng lực học tập tự chủ cho sinh viên và khi ít đề cập đến công việc đổi mới hoạt động này dựa trên ứng dụng công nghệ số (Trần Thị Minh Đức và Kiều Anh Tuấn, 2012). Đồng thời, hoạt động cố vấn tại nhiều trường chịu nhiều hạn chế về khối lượng công việc và năng lực số cũng như thiếu hệ thống hỗ trợ quản lý thông tin sinh viên (Amin, 2016).

Nhiều nghiên cứu quốc tế cho thấy, công nghệ là công cụ hỗ trợ hiệu quả trong cố vấn học tập. Ambrose và Ambrose (2013) với mô hình Blended advising khẳng định rằng, việc tích hợp các công cụ công nghệ số không chỉ giảm tải hành chính mà còn tăng cường tương tác, thúc đẩy năng lực tự định hướng học tập. Gần đây, Rueda và Lowe Swift (2023) cũng nhấn mạnh vai trò của công nghệ cố vấn trong việc gia tăng kết nối và hỗ trợ sinh viên chủ động hơn. Để phát huy hiệu quả này, các cố vấn học tập cần được trang bị kỹ năng số, năng lực quản lý dữ liệu và ứng dụng phân tích học tập, thay vì chỉ dừng lại ở quản trị hành chính (Amin, 2016).

Như vậy, vai trò của cố vấn học tập trong việc phát triển năng lực học tập tự chủ cũng như tiềm năng ứng dụng công nghệ trong công tác cố vấn, đã được khẳng định trong nhiều nghiên cứu quốc tế. Trong khi đó, tại Việt Nam, phần lớn các nghiên cứu mới chỉ tập trung vào cấu trúc năng lực hoặc vai trò hành chính của cố vấn học tập. Điều này cho thấy, còn thiếu các nghiên cứu tích hợp công nghệ số vào hoạt động cố vấn, nhằm trực tiếp thúc đẩy năng lực học tập tự chủ của sinh viên. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết tiến hành phân tích tổng quan cơ sở lý luận và thực tiễn về mối quan hệ giữa cố vấn học tập và năng lực học tập tự chủ trong bối cảnh chuyển đổi số, từ đó nhận diện xu hướng, chỉ ra khoảng trống nghiên cứu và đề xuất các định hướng nâng cao hiệu quả công tác cố vấn học tập.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến năng lực học tập tự chủ của sinh viên đại học và vai trò của cố vấn học tập trong việc phát triển năng lực này. Quá trình này nhằm làm rõ cấu phần chính của năng lực học tập tự chủ cũng như các hình thức hỗ trợ từ hoạt động cố vấn học tập trong bối cảnh chuyển đổi số của giáo dục đại học. Việc phân tích được thực hiện một cách có hệ thống, đảm bảo tính khách quan và toàn diện để xây dựng cơ sở lý thuyết vững chắc.

2.2. Phương pháp khái quát hóa

Nghiên cứu tiến hành khái quát hóa các kết quả và phát hiện từ các công trình nghiên cứu đã được tổng hợp nhằm làm rõ các khía cạnh quan trọng của năng lực học tập tự chủ và vai trò hỗ trợ của cố vấn học tập. Phương pháp này giúp tạo nên cái nhìn tổng quan về mối quan hệ giữa năng lực học tập tự chủ và công tác cố vấn học tập. Dựa trên kết quả tổng hợp, nghiên cứu sẽ đưa ra các kết luận và đề xuất ứng dụng thực tế để nâng cao hiệu quả hỗ trợ học tập tự chủ cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Năng lực học tập tự chủ của sinh viên đại học

a. Khái niệm

Học tập tự chủ được hiểu là khả năng người học tự điều hành, quản lý và chịu trách nhiệm về toàn bộ quá trình học tập. Dearden (1972) coi đây là sự độc lập và quyết tâm; Dickinson (1987) bổ sung sự chủ động trong tương tác với giảng viên và bạn học; Little (1991) gắn với tư duy phản biện và hành động độc lập.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu cũng thống nhất rằng, học tập tự chủ là năng lực giúp người học chủ động lựa chọn, quyết định và thực hiện nhiệm vụ học tập (Trần Quốc Lập, 2008; Nguyễn Hồng Chi, 2021).

Từ các quan điểm trên, có thể khái quát: Học tập tự chủ là năng lực sinh viên tự quản lý quá trình học tập vừa đề cao trách nhiệm cá nhân vừa khẳng định quyền tham gia quyết định mục tiêu, phương pháp, học liệu và hình thức đánh giá của sinh viên.

b. Nguyên tắc và vai trò học tập tự chủ

Trong bối cảnh đào tạo theo tín chỉ và chuyển đổi

số, năng lực học tập tự chủ dựa trên các nguyên tắc: Tự giác và độc lập trong xây dựng kế hoạch; quyết tâm và trách nhiệm trong quá trình học tập; khai thác hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là học liệu và công cụ số. Năng lực này không chỉ giúp sinh viên tiếp thu kiến thức mà còn phát triển tư duy phản biện, sáng tạo, khả năng học tập suốt đời và thích ứng linh hoạt với môi trường giáo dục hiện đại (Tinto, 2012; Gordon, Habley & Grites, 2011).

c. Các thành phần cấu thành năng lực học tập tự chủ

Tính tự chủ được xem là phẩm chất cốt lõi giúp sinh viên thành công trong học tập và sự nghiệp (Little, 1991). Trong bối cảnh đào tạo tín chỉ và chuyển đổi số, sinh viên có cơ hội chủ động lựa chọn mục tiêu, ngành nghề, học phần và xây dựng kế hoạch học tập cá nhân (Phạm, 2016). Tính tự chủ không chỉ thể hiện ở khả năng tự nghiên cứu, tìm kiếm thông tin, đổi mới phương pháp học tập mà còn ở sự tự giác, tự tin tham gia các hoạt động đào tạo và rèn luyện kỹ năng sống (Tinto, 2012; Gordon, Habley & Grites, 2011).

Theo Reinders & Balcikanli (2011), quá trình học tập tự chủ trải qua các bước: Xác định nhu cầu - xây dựng mục tiêu - lập kế hoạch - lựa chọn phương pháp - thực hành - tự đánh giá (Reinders & Balcikanli, 2011). Để thực hiện hiệu quả các bước này, sinh viên cần kỹ năng học tập cơ bản, đặc biệt là quản lý thời gian và khả năng duy trì nỗ lực, vốn được xem là những yếu tố quyết định trong thành công học tập (Maack, 2001). Dựa trên tổng hợp các

công trình trong và ngoài nước, nghiên cứu này đề xuất hệ thống các thành phần cấu thành năng lực học tập tự chủ của sinh viên đại học gồm bốn nhóm:

(1) Nhóm năng lực định hướng học tập:

- Xác định động cơ, nhu cầu, mục tiêu và nhiệm vụ học tập.

- Lập kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học.

(2) Nhóm năng lực tổ chức và thực hiện kế hoạch:

- Thực hiện kế hoạch, chịu trách nhiệm và giải quyết vấn đề.

- Khai thác và sử dụng học liệu.

- Tìm kiếm phản hồi.

(3) Nhóm năng lực giám sát và điều chỉnh:

- Tự đánh giá và điều chỉnh mục tiêu, kế hoạch.

- Điều chỉnh hành vi và duy trì kỷ luật cá nhân.

(4) Phẩm chất và kỹ năng hỗ trợ:

- Sử dụng mạng xã hội và công nghệ học tập an toàn, hiệu quả.

9 - Đối mặt với thất bại, kiên trì và rút ra bài học.

Dựa trên cơ sở lý luận và các nghiên cứu trong và ngoài nước, năng lực học tập tự chủ của sinh viên đại học được cấu trúc thành các nhóm năng lực chính với tiêu chí cụ thể vừa giúp nhận diện thành tố, vừa làm cơ sở xác định các yếu tố ảnh hưởng và vai trò của cố vấn học tập (xem Bảng 1).

Tóm lại, năng lực học tập tự chủ của sinh viên đại học gồm bốn nhóm chính: Định hướng, tổ chức

Bảng 1: Cấu trúc năng lực học tập tự chủ của sinh viên đại học

STT	Nhóm năng lực	Khía cạnh tự chủ	Biểu hiện cụ thể
1	Định hướng học tập	1 - Xác định động cơ, nhu cầu, mục tiêu và nhiệm vụ học tập	- Xác định mục tiêu phù hợp với năng lực và định hướng nghề nghiệp. - Hiểu rõ nhu cầu cá nhân và yêu cầu môn học. - Đặt được nhiệm vụ học tập cụ thể.
		2 - Lập kế hoạch học tập và nghiên cứu	- Xây dựng kế hoạch học tập rõ ràng. - Phân bổ thời gian hợp lý. - Tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học.
2	Tổ chức và thực hiện kế hoạch	3 - Thực hiện kế hoạch, chịu trách nhiệm và giải quyết vấn đề	- Chủ động triển khai kế hoạch. - Linh hoạt xử lý khó khăn. - Chịu trách nhiệm về kết quả học tập.
		4 - Khai thác và sử dụng học liệu	- Tìm kiếm, lựa chọn nguồn học liệu đa dạng. - Sử dụng tài nguyên số và công cụ học tập hiệu quả.
		5 - Tìm kiếm phản hồi	- Trao đổi với giảng viên, cố vấn học tập và bạn học. - Sử dụng phản hồi để điều chỉnh phương pháp học tập.

STT	Nhóm năng lực	Khía cạnh tự chủ	Biểu hiện cụ thể
3	Giám sát và điều chỉnh	6 - Tự đánh giá và điều chỉnh mục tiêu, kế hoạch	- Nhận diện điểm mạnh, hạn chế. - Điều chỉnh mục tiêu, kế hoạch khi cần.
		7 - Điều chỉnh hành vi và duy trì kỉ luật	- Kiểm soát thói quen tiêu cực. - Duy trì kỉ luật học tập. - Ứng dụng công nghệ để hỗ trợ quản lí quá trình học.
4	Phẩm chất và kĩ năng hỗ trợ	8 - Sử dụng công nghệ và mạng xã hội hiệu quả	- Thành thạo công cụ học tập số. - Quản lí môi trường học tập số an toàn, trách nhiệm.
		9 - Đối mặt với thất bại, kiên trì và rút ra bài học	- Giữ động lực khi gặp khó khăn. - Học hỏi từ trải nghiệm thất bại. - Rèn luyện sự kiên trì và bền bỉ.

- thực hiện, giám sát - điều chỉnh và phẩm chất, kĩ năng hỗ trợ. Cấu trúc này không chỉ khái quát toàn bộ tiến trình từ xác định mục tiêu, lập kế hoạch, triển khai đến đánh giá, mà còn nhấn mạnh vai trò của kỉ luật cá nhân và công nghệ số. Đây là nền tảng quan trọng để phân tích các yếu tố ảnh hưởng và làm rõ vai trò đồng hành của cố vấn học tập trong bối cảnh chuyển đổi số.

d. Yếu tố ảnh hưởng đến học tập tự chủ của sinh viên và vai trò hỗ trợ

Năng lực học tập tự chủ của sinh viên chịu tác động từ cả yếu tố nội tại và môi trường xã hội, đồng thời được củng cố nhờ vai trò hỗ trợ của giảng viên và cố vấn học tập.

Yếu tố nội tại: Gồm động cơ học tập, kĩ năng quản lí thời gian và lập kế hoạch. Nhiều sinh viên gặp khó khăn trong xác định mục tiêu, duy trì kỉ luật và tự tin học tập điều kiện cá nhân (Light, 2001). Trong bối cảnh này, cố vấn học tập sẽ giúp sinh viên lựa chọn phương pháp và nội dung học phù hợp, tối ưu hóa quá trình tự học (Phạm Thị Thanh Hải, 2016).

Yếu tố môi trường: Bao gồm bốn khía cạnh chính: 1) Trí tuệ - khuyến khích tính chủ động, trách nhiệm và rèn luyện kĩ năng tự học; 2) Tâm lí - xây dựng không khí cởi mở, thân thiện, tạo động lực và hỗ trợ phương pháp học tập; 3) Vật chất - công nghệ - đảm bảo hạ tầng, thư viện, học liệu số và các công cụ trực tuyến (LMS, MOOC, Google Scholar...); 4) Xã hội - phát triển nhóm học tập, câu lạc bộ, dự án cộng đồng, nâng cao kĩ năng giao tiếp, hợp tác và thái độ tích cực.

Vai trò hỗ trợ của giảng viên và cố vấn học tập

Giảng viên và cố vấn học tập giữ vai trò then chốt trong phát triển năng lực tự học của sinh viên thông qua tư vấn phương pháp, hỗ trợ giải quyết khó khăn,

tổ chức nghiên cứu - thảo luận và cung cấp phản hồi kịp thời. Đồng thời, cố vấn còn phối hợp với nhà trường xây dựng môi trường học tập toàn diện, giúp sinh viên duy trì tính tự giác và khả năng tự quản lí.

Sự kết hợp giữa động cơ nội tại, kĩ năng cá nhân, môi trường thuận lợi và hỗ trợ từ giảng viên/cố vấn tạo nền tảng vững chắc cho sinh viên rèn luyện năng lực tự học, nghiên cứu và thích ứng trong bối cảnh chuyển đổi số.

3.2. Vai trò và nhiệm vụ của cố vấn học tập trong phát triển năng lực học tập tự chủ của sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số

a. Vai trò của cố vấn học tập trong phát triển năng lực học tập tự chủ của sinh viên

Căn cứ vào các yếu tố ảnh hưởng và nguồn hỗ trợ đã được phân tích ở mục 3.1, cố vấn học tập giữ vai trò then chốt trong việc hình thành và phát triển năng lực học tập tự chủ của sinh viên. Trong bối cảnh chuyển đổi số - quá trình thay đổi toàn diện cách thức sống, học tập và làm việc nhằm đáp ứng yêu cầu thời đại số (Bùi Thị Hương, 2024), giáo dục đại học Việt Nam định hướng lấy sinh viên làm trung tâm, kết hợp học trực tuyến, học kết hợp và nghiên cứu độc lập. Tuy vậy, nhiều sinh viên vẫn phụ thuộc vào phương pháp truyền thống, gặp khó khăn trong quản lí thời gian, duy trì kỉ luật và khai thác hiệu quả công nghệ.

Theo Amin (2016), vai trò của giảng viên và cố vấn học tập không chỉ dừng ở truyền đạt tri thức mà mở rộng sang định hướng, hướng dẫn và kết nối, nhằm hình thành người học tự chủ (Amin, 2016). Cố vấn vừa là người đồng hành, vừa là cầu nối giữa mục tiêu đào tạo của nhà trường và nhu cầu cá nhân của sinh viên, đảm nhiệm tư vấn học thuật, quản lí kế hoạch và hỗ trợ phát triển toàn diện. Nhiều nghiên

cứu đều khẳng định vai trò này, đặc biệt ở các khía cạnh: Cá nhân hóa học tập, lập kế hoạch, phát triển kỹ năng tự học, khai thác công nghệ số, phản hồi kịp thời và hỗ trợ tâm lý (Trần Thị Minh Đức và Kiều Anh Tuấn, 2012; Phạm Thị Ngọc Lan, 2021; Nguyễn Hồng Chi, 2021). Cụ thể, vai trò của cố vấn học tập được thể hiện như sau:

Định hướng học tập: Giúp sinh viên xác định mục tiêu, động cơ, lập kế hoạch, lựa chọn học phần và hoạt động phù hợp, đồng thời hỗ trợ phân biệt giữa “Learning about” (Tiếp nhận tri thức) và “Learning to be” (Hình thành năng lực nghề nghiệp).

Tổ chức và thực hiện kế hoạch: Hướng dẫn khai thác học liệu, khuyến khích nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện cho nhóm học tập trực tuyến, cung cấp phản hồi kịp thời và phát triển học liệu số để hỗ trợ học tập mọi lúc, mọi nơi.

Giám sát và điều chỉnh: Hỗ trợ sinh viên tự đánh giá, điều chỉnh kế hoạch, duy trì kỷ luật, quản lý thời gian, kiểm soát hành vi tiêu cực và giải quyết khó khăn tâm lý - xã hội; theo dõi việc sử dụng công nghệ để định hướng khi sinh viên gặp trở ngại.

Phẩm chất và kỹ năng hỗ trợ: Nâng cao nhận thức về an toàn thông tin, sử dụng mạng xã hội có trách nhiệm, truyền cảm hứng, động viên kiên trì và học hỏi từ thất bại.

Theo Reinders và Balcikanli (2011), tính tự chủ của giảng viên có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng phát triển tự chủ của sinh viên. Điều này đặc biệt đúng với cố vấn học tập - vốn là giảng viên kiêm nhiệm, bởi để rèn luyện năng lực học tập tự chủ cho sinh viên, cố vấn trước hết phải có năng lực tự chủ nghề nghiệp, biết tự bồi dưỡng chuyên môn, am hiểu công nghệ và đưa ra quyết định phù hợp.

Hơn nữa, trong môi trường giáo dục đại học hiện đại, vai trò của cố vấn học tập không chỉ giới hạn ở tương tác cá nhân mà cần được mở rộng thông qua công nghệ. Các hình thức như blended advising (kết hợp cố vấn trực tiếp và trực tuyến), ứng dụng AI và learning analytics (phân tích dữ liệu học tập như thời gian truy cập LMS, mức độ tham gia thảo luận, kết quả học tập...) giúp cố vấn đưa ra quyết định kịp thời, hỗ trợ cá nhân hóa việc học, phát hiện sớm nguy cơ học tập và đồng hành hiệu quả hơn với sinh viên.

Nhờ đó, sinh viên không chỉ phát triển năng lực tự học mà còn nâng cao kỹ năng mềm, thái độ tích cực và khả năng thích ứng với môi trường học tập - nghề nghiệp trong kỷ nguyên số (Gordon, Habley & Grites, 2011).

b. Nhiệm vụ của cố vấn học tập trong phát triển năng lực học tập tự chủ của sinh viên

Để hỗ trợ sinh viên hiệu quả trong bối cảnh đổi mới giáo dục và chuyển đổi số, cố vấn học tập cần thực hiện hệ thống nhiệm vụ kết hợp chức năng truyền thống với yêu cầu mới, gắn theo tiến trình phát triển năng lực học tập tự chủ và khai thác hiệu quả nguồn lực số.

Cụ thể các nhiệm vụ gồm: 1) Hỗ trợ xác định động cơ, nhu cầu và mục tiêu học tập; 2) Hỗ trợ xây dựng, thực hiện và điều chỉnh kế hoạch học tập; 3) Tư vấn và hỗ trợ tiếp nhận phản hồi, tự đánh giá; 4) Hỗ trợ nâng cao ý thức tự chịu trách nhiệm; 5) Phát triển kỹ năng tự học, quản lý thời gian và khai thác học liệu số; 6) Tư vấn sử dụng mạng xã hội an toàn, hiệu quả; 7) Hỗ trợ tâm lý và phát triển tư duy tích cực; 8) Giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình học tập; 9) Xây dựng môi trường học tập thân thiện, hỗ trợ toàn diện.

Bảng 2: Nhiệm vụ của cố vấn học tập, mục tiêu thực hiện và nhóm năng lực học tập tự chủ của sinh viên được hỗ trợ

TT	Nhiệm vụ của cố vấn học tập	Mục tiêu chính	Nhóm năng lực học tập tự chủ được hỗ trợ
1	Xác định động cơ, nhu cầu, mục tiêu	Định hướng cá nhân, khơi gợi động lực	1
2	Xây dựng, thực hiện và điều chỉnh kế hoạch	Lập và triển khai kế hoạch cá nhân, gắn kết học tập - rèn luyện - nghiên cứu	1, 2
3	Tiếp nhận phản hồi, tự đánh giá	Nâng cao năng lực tự đánh giá, cải thiện tiến trình học tập	3
4	Nâng cao ý thức tự chịu trách nhiệm	Phát triển tinh thần tự chủ và trách nhiệm cá nhân	1, 2, 3
5	Tự học, quản lý thời gian, học liệu số	Tăng hiệu quả tự học, tận dụng nguồn lực số	2, 4

TT	Nhiệm vụ của cố vấn học tập	Mục tiêu chính	Nhóm năng lực học tập tự chủ được hỗ trợ
6	Sử dụng mạng xã hội an toàn, hiệu quả	Kết nối học thuật, xây dựng hình ảnh tích cực, hạn chế rủi ro	4
7	Hỗ trợ tâm lý, tư duy tích cực	Tăng khả năng thích ứng, duy trì động lực học tập	4
8	Giải quyết vấn đề phát sinh	Đảm bảo tiến độ, giảm gián đoạn học tập	2, 4
9	Xây dựng môi trường học tập thân thiện	Tạo cộng đồng học tập và hệ sinh thái hỗ trợ phát triển toàn diện năng lực học tập tự chủ	1-4

Các nhiệm vụ này được quy chiếu với các nhóm năng lực học tập tự chủ, làm rõ vai trò của cố vấn học tập trong việc hình thành và phát triển năng lực toàn diện cho sinh viên (xem Bảng 2).

Ở Bảng 2, mỗi nhiệm vụ của cố vấn học tập gắn với một hoặc nhiều nhóm năng lực tự chủ, tạo thành hệ thống hỗ trợ chặt chẽ. Xác định mục tiêu: 1) Là nền tảng cho lập kế hoạch (1, 2); 2) phản hồi và tự đánh giá; 3) Giúp điều chỉnh quá trình học tập; phát triển kỹ năng tự học, quản lý thời gian và ứng dụng công nghệ (2, 4) củng cố ý thức tự chủ (1-4). Các nhiệm vụ như phát triển học liệu số, định hướng sử dụng mạng xã hội, xây dựng môi trường học tập thân thiện (4) vừa hỗ trợ cá nhân vừa tăng cường gắn kết cộng đồng. Qua đó, vai trò cố vấn không chỉ dừng ở quản lý học vụ mà còn mở rộng sang tư vấn, huấn luyện và đồng hành, góp phần phát triển toàn diện năng lực tự học trong bối cảnh chuyển đổi số.

3.3. Mối quan hệ giữa vai trò cố vấn học tập và năng lực học tập tự chủ trong bối cảnh chuyển đổi số

Từ các vai trò và nhiệm vụ đã phân tích ở mục 3.2 có thể thấy, hiệu quả cố vấn học tập không chỉ nằm ở hỗ trợ trực tiếp mà còn thể hiện ở mối quan hệ tương hỗ với năng lực học tập tự chủ của sinh viên.

a. Tác động của cố vấn học tập đến năng lực học tập tự chủ của sinh viên

Cố vấn học tập định hướng cá nhân hóa, hỗ trợ sinh viên lập kế hoạch, quản lý thời gian, khai thác tài nguyên số; củng cố kỹ năng tự học và phân tích thông tin; cung cấp phản hồi định kỳ để duy trì động lực; đồng thời khuyến khích hợp tác, phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm.

b. Ảnh hưởng của bối cảnh chuyển đổi số

Chuyển đổi số mở ra môi trường học tập linh hoạt, đa dạng tài nguyên, nhưng cũng đòi hỏi sinh viên tự quản lý và rèn luyện năng lực học tập tự chủ

nhiều hơn. Trong bối cảnh này, cố vấn học tập cần thành thạo các công cụ như hệ thống quản lý học tập (LMS), trí tuệ nhân tạo (AI) để theo dõi tiến độ, cá nhân hóa hỗ trợ và đồng hành hiệu quả.

c. Mối quan hệ tương hỗ

Mối quan hệ giữa cố vấn học tập và năng lực học tập tự chủ của sinh viên mang tính hai chiều: Cố vấn cung cấp định hướng, nguồn lực, phản hồi → sinh viên vận dụng để tự học → cố vấn điều chỉnh hỗ trợ theo nhu cầu mới. Chu trình này củng cố năng lực học tập tự chủ của sinh viên và nâng cao hiệu quả khai thác hỗ trợ. Ngược lại, sinh viên có năng lực học tập tự chủ của sinh viên cao sẽ tận dụng triệt để vai trò của cố vấn, tạo thành vòng phát triển bền vững trong môi trường số (Trần Thị Minh Đức và Kiều Anh Tuấn, 2012).

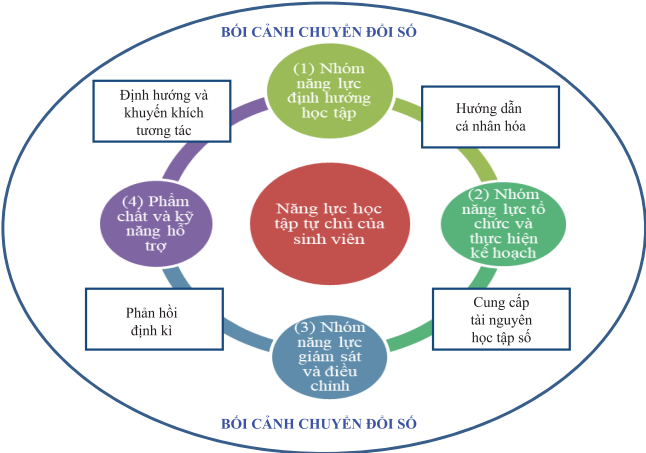
Bổ sung cho góc nhìn này, nghiên cứu gần đây của Wang & Li (2024) cho thấy ba yếu tố: cảm xúc tích cực, hiệu quả số (Digital efficacy) và sự hài lòng, có ảnh hưởng đáng kể đến ý định duy trì sử dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập - trong đó cảm xúc tích cực đóng vai trò quyết định (Wang & Li, 2024). Phát hiện này nhấn mạnh rằng, trong giáo dục số, cố vấn học tập không chỉ hỗ trợ kỹ thuật hay quản lý học vụ, mà còn cần tạo dựng trải nghiệm công nghệ tích cực, khơi gợi động lực nội tại và bồi dưỡng năng lực số cho sinh viên. Chính điều này tạo nên “cầu nối” để vai trò của cố vấn chuyển hóa thành động lực học tập bền vững.

Nhiều nghiên cứu cũng đã tổng hợp vai trò của cố vấn học tập thành các nhóm chức năng vừa phục vụ quản lý học vụ vừa trực tiếp hỗ trợ phát triển học tập tự chủ (Amin, 2016; Reinders & Balcikanli, 2011; Gordon, Habley & Grites, 2011). Bảng 3 minh họa cơ chế mối quan hệ này trong thực tiễn.

Hình 1 minh họa vòng tương tác hai chiều: Cố vấn cung cấp định hướng và hỗ trợ trong môi trường

Bảng 3: Vai trò của cố vấn học tập và ảnh hưởng đến năng lực học tập tự chủ của sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số

TT	Vai trò của cố vấn học tập	Ảnh hưởng đến năng lực học tập tự chủ của sinh viên	Ghi chú/nguồn tham khảo
1	Hướng dẫn cá nhân hóa	Cải thiện khả năng tự lập kế hoạch và quản lí thời gian	Cá nhân hóa theo trình độ và nhu cầu (Trần Thị Minh Đức, 2012; Trần Thị Minh Đức & Kiều Anh Tuấn, 2012; Amin, 2016).
2	Cung cấp tài nguyên học tập số	Nâng cao kĩ năng tự học, tra cứu và phân tích thông tin	LMS, AI, các nền tảng trực tuyến (Phạm Thị Ngọc Lan, 2021; Nguyễn Hồng Chi, 2021).
3	Phản hồi định kì	Tăng động lực và trách nhiệm học tập	Qua email, hệ thống LMS hoặc buổi gặp trực tiếp (Gordon, Habley & Grites, 2011).
4	Định hướng và khuyến khích tương tác	Phát triển kĩ năng giải quyết vấn đề, hợp tác	Học tập nhóm, dự án trực tuyến (Reinders & Balcikanli, 2011; Wang & Li, 2024).



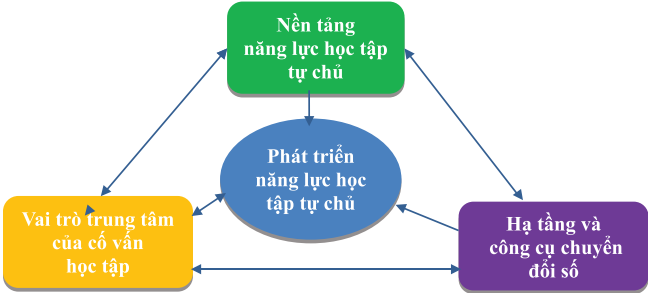
Hình 1: Sơ đồ mối quan hệ giữa vai trò cố vấn học tập và năng lực học tập tự chủ trong bối cảnh chuyển đổi số

số, còn năng lực tự chủ của sinh viên quyết định hiệu quả khai thác, củng cố quá trình học tập liên tục.

Hình 1 cho thấy, cố vấn học tập định hướng, cung cấp nguồn lực, phản hồi và duy trì kết nối với sinh viên trong môi trường số; đồng thời, năng lực tự chủ của sinh viên lại quyết định mức độ khai thác hiệu quả các hỗ trợ này. Mối quan hệ hai chiều, liên tục đó tạo thành vòng phát triển bền vững, góp phần nâng cao hiệu quả học tập trong bối cảnh giáo dục đại học số hóa.

3.4. Tác động thực tiễn và gợi ý mô hình hỗ trợ sinh viên

Trên cơ sở phân tích ở các tiểu mục 3.1 - 3.3, có thể khẳng định năng lực học tập tự chủ của sinh viên không chỉ phụ thuộc vào cá nhân mà còn chịu tác động đáng kể từ vai trò định hướng, tư vấn của cố vấn học tập và sự hỗ trợ của hạ tầng số. Từ đó,



Hình 2: Mô hình “Tam giác hỗ trợ” phát triển năng lực học tập tự chủ

nghiên cứu đề xuất mô hình “Tam giác hỗ trợ” phát triển năng lực học tập tự chủ với ba trụ cột then chốt như sau (xem Hình 2):

- 1) Nền tảng năng lực học tập tự chủ của sinh viên - gồm kĩ năng tự học, quản lí thời gian, tự đánh giá và điều chỉnh kế hoạch.
- 2) Vai trò trung tâm của cố vấn học tập - tư vấn học thuật, hỗ trợ kĩ năng số, kết nối nguồn lực và tạo môi trường tích cực.
- 3) Hạ tầng và công cụ số - nền tảng trực tuyến, dữ liệu học tập và công cụ quản lí tiến độ.

Hình 2 minh họa mô hình “Tam giác hỗ trợ”, thể hiện mối liên hệ cân bằng và tương tác giữa ba trụ cột trong phát triển năng lực học tập tự chủ của sinh viên.

Mô hình này nhấn mạnh sự tương tác hai chiều: Sinh viên chủ động tìm kiếm và vận dụng hỗ trợ, trong khi cố vấn học tập đóng vai trò kích hoạt, định hướng và tối ưu hóa quá trình tự học. Việc áp dụng mô hình sẽ giúp nâng cao hiệu quả hỗ trợ, đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực học tập tự chủ

của sinh viên trong môi trường giáo dục đại học hiện đại.

4. Thảo luận

4.1. Vai trò hỗ trợ của cố vấn học tập đến phát triển năng lực học tập tự chủ của sinh viên đại học trong bối cảnh chuyển đổi số

Kết quả phân tích khẳng định cố vấn học tập giữ vai trò then chốt trong phát triển năng lực học tập tự chủ của sinh viên. Thông qua hướng dẫn cá nhân hóa, cung cấp tài nguyên số, phản hồi định kỳ và khuyến khích hợp tác, họ giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian, tự đánh giá và thích ứng với môi trường học tập số. Nhờ vậy, sinh viên được hỗ trợ thường thể hiện khả năng tự định hướng tốt hơn, đồng thời hình thành thái độ chủ động và tinh thần học tập suốt đời.

Những phát hiện này phù hợp với nhiều nghiên cứu gần đây khi cố vấn học tập được xem là cầu nối quan trọng giúp sinh viên khai thác hiệu quả nền tảng trực tuyến và công nghệ số. Nghiên cứu hiện tại còn bổ sung góc nhìn từ bối cảnh giáo dục Việt Nam, nơi chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ nhưng hạ tầng công nghệ và năng lực số của giảng viên, sinh viên vẫn còn hạn chế.

Tuy nhiên, để phát huy tối đa vai trò, cố vấn học tập vẫn đối mặt với ba thách thức lớn: 1) Thiếu kỹ năng số và năng lực sư phạm đáp ứng yêu cầu mới; 2) Khó khăn trong cá nhân hóa do sự đa dạng nhu cầu, trình độ và phong cách học tập; 3) Khối lượng công việc hành chính lớn làm giảm thời gian dành cho tư vấn chuyên sâu và đồng hành cùng sinh viên.

Để khắc phục các thách thức, cần bồi dưỡng kỹ năng số và năng lực số cho cố vấn học tập, đồng thời phát triển hệ thống LMS nhằm hỗ trợ tư vấn cá nhân hóa và giảm tải hành chính. Song song với đó, khuyến khích sinh viên tham gia trải nghiệm và học tập dự án sẽ tạo điều kiện cho cố vấn đồng hành hiệu

quả hơn. Sự phối hợp giữa cố vấn, sinh viên và nhà trường sẽ góp phần phát triển bền vững năng lực học tập tự chủ trong bối cảnh chuyển đổi số.

4.2. So sánh với các nghiên cứu trước đây của tác giả

Nghiên cứu hiện tại kế thừa và phát triển các công trình trước về cố vấn học tập. Các nghiên cứu trước đã xây dựng mô hình phát triển đội ngũ dựa trên lý thuyết Phát triển nguồn nhân lực và Quản lý chất lượng tổng thể, làm rõ hệ thống yếu tố từ tổ chức, chính sách, môi trường đến cá nhân và nhấn mạnh phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp cùng năng lực chuyên môn của cố vấn (Nguyễn Vũ Bích Hiền và Bùi Phương Thúy, 2025a, 2025b; Phạm Thị Thanh Hải và Bùi Phương Thúy, 2025).

Nghiên cứu này mở rộng bằng cách làm rõ mối quan hệ giữa vai trò cố vấn và năng lực học tập tự chủ của sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số, khẳng định vị trí trung tâm của cố vấn trong việc tư vấn và thúc đẩy tự học toàn diện trong môi trường giáo dục số hóa.

5. Kết luận

Trong bối cảnh chuyển đổi số đang tác động mạnh mẽ đến giáo dục đại học, nghiên cứu này, bằng phương pháp tổng quan tài liệu, đã phân tích vai trò then chốt của cố vấn học tập trong việc phát triển năng lực học tập tự chủ của sinh viên. Về mặt lý luận, kết quả góp phần hệ thống hóa và mở rộng cơ sở khoa học về mối quan hệ giữa vai trò cố vấn học tập và các thành phần năng lực học tập tự chủ của sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số. Về mặt thực tiễn, nghiên cứu cung cấp căn cứ tham khảo cho việc thiết kế và triển khai hoạt động bồi dưỡng cố vấn học tập, đặc biệt trong môi trường học tập số. Do giới hạn của tiếp cận tổng quan, nghiên cứu chưa phản ánh được mức độ tác động cụ thể, các nghiên cứu tiếp theo cần triển khai khảo sát thực tiễn để kiểm chứng và điều chỉnh mô hình hỗ trợ sinh viên tự chủ trong học tập.

Tài liệu tham khảo

- Ambrose, G. A. & Ambrose, L. W. (2013). The blended advising model: Transforming advising with ePortfolios. *International Journal of ePortfolio*, 3(1), pp.75-89.
- Amin, D. J. N. (2016). Redefining the role of teachers in the digital era. *The International Journal of Indian Psychology*, 3(3-6), pp.40-45.
- Bộ Chính trị. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW về Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
- Bùi Thị Hương. (2024). Đề xuất khung năng lực số của giảng viên đại học Việt Nam trong bối cảnh cách mạng Công nghiệp 4.0. *Tạp chí Giáo dục*, 24, tr.8-13.
- Dearden, R. F. (1972). Autonomy and education. In *Education and the development of reason*.
- Dickinson, L. (1987). *Self-instruction in language learning* (Vol. 3). Cambridge University Press.
- Gordon, V. N., Habley, W. R. & Grites, T. J. (2011).

- Academic advising: A comprehensive handbook*. John Wiley & Sons.
- Light, R. J. (2001). *Making the most of college: Students speak their minds*. Harvard University Press.
- Little, D. (1991). *Learner autonomy: Definitions, issues and problems*. Authentik Language Learning Resources Ltd.
- Maack, S. C. (2001, October 25). *Final analysis of academic assistance system* (ED466835). Rio Hondo College. ERIC. <https://eric.ed.gov/?id=ED466835>
- Nguyễn Hồng Chi. (2021). *Giáo dục năng lực tự học tập độc lập cho sinh viên sư phạm qua hoạt động cố vấn học tập*. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Minh Oanh. (2011). *Vai trò của đội ngũ cố vấn học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở các trường đại học, cao đẳng*. Viện Nghiên cứu Giáo dục - Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Vũ Bích Hiền, Bùi Phương Thúy. (2025a). Đề xuất khung lý thuyết về phát triển đội ngũ cố vấn học tập đáp ứng yêu cầu hỗ trợ sinh viên học tập tự chủ ở các trường đại học. *Tạp chí Giáo dục*, 3, tr.7-12.
- Nguyễn Vũ Bích Hiền, Bùi Phương Thúy. (2025b). Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển đội ngũ cố vấn học tập để hỗ trợ sinh viên học tập tự chủ tại các trường đại học hiện nay. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 21(3), tr.8-15.
- Phạm Thị Thanh Hải. (2016). *Quản lý hoạt động học tập của sinh viên trong phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường đại học*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Phạm Thị Thanh Hải, Bùi Phương Thúy. (2025). Năng lực chuyên biệt của cố vấn học tập hỗ trợ sinh viên học tập tự chủ trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay: Một nghiên cứu tổng quan. *Tạp chí Giáo dục*, tr.204-210.
- Phan Thị Ngọc Lan. (2021). Năng lực thực hiện vai trò cầu nối giữa sinh viên với nhà tuyển dụng của cố vấn học tập ở các trường đại học sư phạm kỹ thuật. *Tạp chí Khoa học - Đại học Vinh*, 50, tr.49-55.
- Reinders, H. & Balcikanli, C. (2011). Learning to foster autonomy: The role of teacher education materials. *Studies in Self-Access Learning Journal*, 2(1), pp.15-25.
- Rueda, E. & Lowe Swift, C. (2023). *Academic belonging in higher education*. Routledge.
- Tinto, V. (2012). *Completing college: Rethinking institutional action*. University of Chicago Press.
- Trần Quốc Lập. (2008). Phát triển năng lực tự học trong hoàn cảnh Việt Nam. *Tạp chí Khoa học, Đại học Cần Thơ*, 10, tr.169-175.
- Trần Thị Minh Đức. (2012). *Cố vấn học tập ở trường đại học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trần Thị Minh Đức, Kiều Anh Tuấn. (2012). Cố vấn học tập trong các trường đại học. *Tạp chí Khoa học - Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 28, tr.23-32.
- Wang, L. & Li, W. (2024). The impact of AI usage on university students' willingness for autonomous learning. *Behavioral Sciences*, 14(10), p.956.